

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 214/2017/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2017
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Điệp.
2. Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2017 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án xét xử số 334/2017/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hà Ngọc Đ**, sinh năm 1979 (có mặt).

Trú tại: Khóm 7, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn D**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Trú tại: Khóm 7, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2017 và các lời khai tại tòa nguyên đơn bà Hà Ngọc Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà Hà Ngọc Đ và ông Trần Văn D thành hôn vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau vào năm 2014. Trong khoảng thời gian chung sống bà Đ và ông D phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông D thường hay nhậu về hăm dọa bà Đ. Hôn nhân giữa bà Đ và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng nên bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà Hà Ngọc Đ và ông Trần Văn D có 02 con chung tên Trần Mộng N sinh năm 1997 đã trưởng thành; Trần Như H, sinh ngày

26/01/2011 đang sống với bà Đ, con chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn ông Trần Văn D có nơi cư trú tại huyện T, nguyên đơn bà Hà Ngọc Đ khởi kiện xin ly hôn với ông D, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về tố tụng: Sau khi Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông Trần Văn D nhưng ông D vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D là phù hợp với quy định.

[3] Xét về hôn nhân: Bà Hà Ngọc Đ và ông Trần Văn D thành hôn với nhau vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ vào năm 2014. Được thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 257/2014, quyển số 03/2014, ngày 11 tháng 11 năm 2014. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Hà Ngọc Đ và ông Trần Văn D là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà Đ và ông D phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông D thường hay nhậu về hăm dọa bà Đ. Tại phiên Tòa, bà Đ vẫn giữ y nội dung yêu cầu ly hôn với ông D. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Đ với ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận cho bà Hà Ngọc Đ được ly hôn với ông Trần Văn D.

[4] Xét về con chung: Bà Hà Ngọc Đ và ông Trần Văn D có 02 con chung tên Trần Mộng N, sinh năm 1997 đã trưởng thành; Trần Như H, sinh ngày 26/01/2011 đang sống với bà Đ, con chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Hà Ngọc Đ phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 35, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hà Ngọc Đ, cho bà Đ được ly hôn với ông Trần Văn D.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình, bà Hà Ngọc Đ chịu 300.000 đồng. Bà Đ có nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007080 ngày 15/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Minh Luân